TOÀ ÁN ND Q.SƠN TRÀ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15**/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30.5.2022
V/v tranh chấp: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, TP ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thanh Thủy.**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Vũ Thị Lệ Thủy và ông Nguyễn Kim Thành**

- *Thư ký phiên toà*: **Bà Nguyễn Thị Xuân** - Thư ký Toà án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng tham gia phiên toà:* **Bà Lưu Thu Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 2 năm 2022 về "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26.4.2022, quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐST-HN ngày 12.5.2022 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn**:* Bà Lý Thị Hoàng L, sinh năm 1987. Có mặt

Trú tại: số 65 Trần Thuyết, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng

* **Bị đơn***:* ông Phùng Thanh T, sinh năm 1983. Vắng mặt

Trú tại: K01/17 K62 Nguyễn Phan Vinh , phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay nguyên đơn bà Lý Thị Hoàng L trình bày:**

-Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Phùng Thanh T kết hôn năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống tại phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung từ quan điểm sống đến lối sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nhiều lần xảy ra xung đột, quá bức xúc tôi có thông báo cho hai bên gia đình biết và hai bên gia đình đã hòa giải nhưng vẫn không có kết quả, từ đó vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2020 đến nay.

Nay tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Phùng Thanh T.

-Về con chung: trong thời gian chung sống tôi và ông Phùng Thanh T có 02 con chung là Phùng Tấn T, sinh ngày 14.06.2010 và Phùng Như Y, sinh ngày

17.6.2016. Ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu ông Tuấn cấp dưỡng nuôi hai con 2.000.000 đồng/1 tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

*** Bị đơn là ông Phùng Thanh T** không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà:**

- Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn bà Lý Thị Hoàng L kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án; bị đơn ông Phùng Thanh T không chấp hành nghiêm pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

-Về nội dung vụ án: xét thấy về quan hệ hôn nhân mâu thuẫn của bà Lý Thị Hoàng L và ông Phùng Thanh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã được UBND phường Thọ Quang xác nhận nên căn cứ vào Điều 51,56 Luật HNGĐ đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Hoàng L.

Về con chung có 02 con chung là Phùng Tấn T, sinh ngày 14.06.2010 và Phùng Như Y, sinh ngày 17.6.2016. Nguyện vọng của bà Lý Thị Hoàng L xin được nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu ông Phùng Thanh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng, mỗi con 1.000.000 đồng. Hiện nay con chung đang ở với bà Lý Thị Hoàng L nên cần giao con chung cho bà Hoàng Liên nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với Điều 81,Điều 82, Điều 83 Luật HN&GĐ.

Về cấp dưỡng nuôi con cần buộc ông Phùng Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000 đồng/1 tháng

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lý Thị Hoàng L xác nhận không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp ly hôn bà Lý Thị Hoàng L và ông Phùng Thanh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Tại phiên toà lần thứ nhất ngày 12.5.2022 và cũng như phiên toà hôm nay Toà án đã triệu tập, niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà đối với bị đơn ông Phùng Thanh T, nhưng ông Phùng Thanh T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt ông Phùng Thanh T.

[2].Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Hoàng L và ông Phùng Thanh T thì thấy:

[2.1] ***Về quan hệ hôn nhân:*** Bà Lý Thị Hoàng L và ông Phùng Thanh T kết hôn năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng

Theo bà Lý Thị Hoàng L trình bày trong thời gian chung sống đến năm 2019 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung từ quan điểm sống đến lối sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nhiều lần xảy ra xung đột, quá bức xúc bà Hoàng Liên có thông báo cho hai bên gia đình biết và hai bên gia đình đã hòa giải nhưng vẫn không có kết quả, từ đó vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2020 đến nay. Nên bà Hoàng Liên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phùng Thanh T.

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Phùng Thanh T không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia tố tụng điều này thể hiện ông Tuấn không có mong muốn đoàn tụ, bỏ mặc cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, thể hiện thái độ không tôn trọng pháp luật nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt này.

Theo xác minh tại UBND phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng thì cuộc sống vợ chồng giữa bà Lý Thị Hoàng L và ông Phùng Thanh T mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không rõ nhưng hiện nay bà Liên và ông Tuấn không còn chung sống với nhau, bà Liên đã cùng con về sống tại nhà mẹ ruột của mình. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Liên và ông Tuấn đã không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà Liên yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật HNGĐ năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] ***Về quan hệ con chung:*** Bà Lý Thị Hoàng L khai nhận bà và ông Phùng Thanh T có 02 con chung là Phùng Tấn T, sinh ngày 14.06.2010 và Phùng Như Y, sinh ngày 17.6.2016.. Ly hôn bà Liên xin được nuôi con chung và yêu cầu ông Tuấn cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng, mỗi con 1.000.000 đồng.

HĐXX thấy việc giao con chung cho người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Hiện nay con chung đang được mẹ nuôi dưỡng và chăm sóc. Do đó, HĐXX xét thấy cần giao con chung cho bà Liên nuôi dưỡng chăm sóc là đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt của cháu và hoàn toàn phù hợp với Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Liên yêu cầu ông Tuấn cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/ 1 con chung. Việc nuôi con là trách nhiệm của cả hai vợ chồng do vậy cần buộc ông Tuấn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật HNGĐ năm 2014.

[2.3] ***Về tài sản chung, nợ chung:*** bà Lý Thị Hoàng L xác nhận không có nên HĐXX không xem xét.

Nếu sau này bà Liên và ông Tuấn có tranh chấp về vấn đề tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[2.4] ***Về án phí:*** Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án phí HNGĐ sơ thẩm là 300.000 đồng bà Lý Thị Hoàng L phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 53, 54,56,58,81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273, Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Lý Thị Hoàng L và ông Phùng Thanh T

Tuyên xử: bà Lý Thị Hoàng L, sinh năm 1987, được ly hôn với ông Phùng Thanh T, sinh năm 1983.

Giấy chứng nhận kết hôn số 115/2009 của UBND phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng cấp ngày 01.10.2009 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Tuyên: Giao hai con chung là Phùng Tấn T, sinh ngày 14.06.2010 và Phùng Như Y, sinh ngày 17.6.2016 cho bà Lý Thị Hoàng L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc.

- Buộc ông Phùng Thanh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng, mỗi con chung 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*). Thời gian thực hiện cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày 30.5.2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng tiền nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS.

3. Về tài sản chung, về nợ chung: không xem xét giải quyết.

4. **Về án phí:** Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng bà Lý Thị Hoàng L phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003162 ngày 17.02.2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng. Như vậy, bà Liên đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con ông Phùng Thanh T phải nộp 300.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát Sơn Trà;
- Chi cụcThi hành án Sơn Trà;
- UBND phường Thọ Quang q. Sơn Trà, TPĐN;
- Sở Tư pháp
- Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Thủy